

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31.7.2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm: 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, tổ G, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L :
Luật sư **Đinh Ngọc K** – Văn phòng L1. (vắng mặt)

Địa chỉ: F H, phường P, quận H, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Ông **Hoàng Ngọc B**, sinh năm: 1965.(vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường T, tổ G, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi quen biết và tự tìm hiểu với nhau được khoảng 01 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 20/12/1999.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại nhà quân đội được cấp ở quận S, TP Đà Nẵng. Từ năm 2020 thì vợ chồng tôi chuyển về sống tại Số A đường T, tổ G, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Chúng tôi trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn; nhưng vì con nên tôi cũng cố gắng chịu đựng cho đến bây giờ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm sống; tính anh B gia trưởng hay áp đặt, nóng tính, khó tính làm tôi không thể chịu đựng được dẫn đến bị bệnh trầm cảm khi sống chung với anh B; anh B còn hay đi nói xấu tôi với gia đình, với đồng nghiệp của tôi; mâu thuẫn của vợ chồng tôi kéo dài dai dẳng từ ngày lấy nhau cho đến bây giờ nhưng đỉnh điểm của việc mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Tôi đã vì con mà chịu đựng tính cách của anh B mấy chục năm nay; nay các con tôi đã trưởng thành nên tôi mong được có cuộc sống cho bản thân mình; tôi xác định mình không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Ngọc B.

- Về quan hệ con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên tôi không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại đơn xin rút đơn ly hôn ngày 02/4/2024 và các biên bản hòa giải bị đơn ông Hoàng Ngọc B trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi quen biết và tự tìm hiểu với nhau được khoảng 01 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới trước sự chứng kiến của đại diện hai bên gia đình; có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 20/12/1999.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại nhà quân đội được cấp ở quận S, TP Đà Nẵng. Từ năm 2020 thì vợ chồng tôi chuyển về sống tại Số A đường T, tổ G, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Tôi thừa nhận quá trình chung sống thì gia đình nào cũng có những bất đồng và những mâu thuẫn. Tuy nhiên, hiện nay tôi xác định vẫn còn tình cảm với vợ; và vợ chồng tôi hiện nay cũng đã lớn tuổi; các con chung cũng đã trưởng thành có cuộc sống riêng; nên tôi cũng mong vợ chồng giữ nguyên cuộc sống hôn nhân như hiện nay.

Nay vợ tôi là cô Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng tôi đã lớn tuổi, tôi thấy việc vợ chồng ly hôn là không cần thiết.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là: Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001.

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L là luật sư Đinh Ngọc K trình bày ý kiến có trong hồ sơ vụ án:** Chuyện tình cảm, hôn nhân của vợ chồng chị Phạm Thị L và anh Hoàng Ngọc B là do chính bản thân anh chị quyết định; với tư cách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L thì đây là phiên hòa giải lần thứ 2 nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn, do vậy tôi đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng cho chị L theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo.

Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L là luật sư Đinh Ngọc K đã được triệu tập hợp lệ và hiện nay giữa bà L và luật sư K đã thanh lý hợp đồng yêu cầu người bảo vệ; luật sư K đã có văn bản gửi cho Tòa án thông báo về việc không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L và cũng được bà L đồng ý tại phiên tòa; do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 81; 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Hoàng Ngọc B:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Ngọc B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001. Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

-Về quan hệ tài sản chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

-Về quan hệ nợ chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn đối với ông Hoàng Ngọc B và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà L là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L là luật sư Đinh Ngọc K đã được triệu tập hợp lệ và hiện nay giữa bà L

và luật sư K đã thanh lý hợp đồng yêu cầu người bảo vệ; luật sư K đã có văn bản gửi cho Tòa án thông báo về việc không tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phạm Thị L và cũng được bà L đồng ý tại phiên tòa; do vậy HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định là phù hợp.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn ông Hoàng Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Ngọc B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Ngọc B tự tìm hiểu được khoảng 04 năm thì kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng vào ngày 20/12/1999 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1.1] Sau khi kết hôn, vợ chồng bà L ông B sống tại nhà được quân đội cấp ở quận S, TP Đà Nẵng. Từ năm 2020 thì vợ chồng bà L ông B chuyển về sống tại số A đường T, tổ G, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay.

Trong quá trình chung sống theo bà L thì vợ chồng bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn; nhưng vì con nên bà cũng cố gắng chịu đựng cho đến bây giờ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp về tính cách; không hợp về quan điểm sống; tính ông B gia trưởng hay áp đặt, nóng tính, khó tính làm bà L không thể chịu đựng được dẫn đến bị bệnh trầm cảm khi sống chung với ông B; ông B còn hay đi nói xấu bà với gia đình, với đồng nghiệp của bà; mâu thuẫn của vợ chồng bà kéo dài dai dẳng từ ngày lấy nhau cho đến bây giờ nhưng đỉnh điểm của việc mâu thuẫn bắt đầu từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Bà L đã vì con mà chịu đựng tính cách của ông B mấy chục năm nay; nay các con của bà đã trưởng thành nên bà L mong có được cuộc sống riêng cho bản thân mình; bà L xác định mình không còn tình cảm với ông B. Nay bà L thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng hiện nay cũng đã trầm trọng; bà không còn tình cảm với ông B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

[2.1.2] Theo lời trình bày của ông B có trong hồ sơ vụ án thì ông thừa nhận vợ chồng ông trong quá trình chung sống thì cũng có những bất đồng và những mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông B xác định hiện nay vẫn còn tình cảm với bà L; và vợ chồng ông cũng đã lớn tuổi; các con chung cũng đã trưởng thành có cuộc sống riêng; nên ông B cũng mong vợ chồng giữ nguyên cuộc sống hôn nhân như hiện nay.

Nay vợ ông là bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì hiện nay vợ chồng ông đã lớn tuổi, ông B thấy việc vợ chồng ly hôn là không cần thiết.

[2.2] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa vợ chồng bà L và ông B trong quá trình chung sống đã phát sinh những mâu thuẫn như sự thừa nhận của bà L và ông B; ông B không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà L vì ông cho rằng hiện nay vợ chồng ông đã lớn tuổi nên việc ly hôn là không cần thiết. Tuy nhiên, xem xét nguyện vọng của bà L thì thấy; bà L xác nhận hiện nay vợ chồng bà không còn chung sống một nhà; ông B và bà mỗi người tự sống

riêng; mỗi người ở mỗi nơi; không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được; bà L còn cung cấp chứng cứ cho Tòa án là hiện bà L đang phải điều trị bệnh trầm cảm mà nguyên nhân trầm cảm theo bà L là do cuộc sống hôn nhân của bà và ông B không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn nên đã ảnh hưởng đến tinh thần bà và gây bệnh trầm cảm cho bà. Trong quá trình hòa giải, chính ông B cũng thừa nhận một số mâu thuẫn vợ chồng của ông như nội dung bà L đã trình bày là đúng; ông B cũng xác nhận hiện nay hai vợ chồng ông không cùng ở chung một nơi; quá trình Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương cũng cho thấy vợ chồng bà L ông B có tồn tại một số mâu thuẫn. Ông B mong muốn vợ chồng được đoàn tụ tuy nhiên ông B lại không đưa ra được phương án tối ưu nào để khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; tại phiên tòa bà L xác nhận bà cũng không còn tình cảm với ông B và vẫn cương quyết xin ly hôn. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông Hoàng Ngọc B là hợp lý.

[2.3] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Ngọc B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001. Các con chung đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.5] Về quan hệ nợ chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm bà L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L đã nộp.

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Hoàng Ngọc B .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Ngọc B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001. Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

-Về quan hệ tài sản chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

-Về quan hệ nợ chung: Bà L và ông Bích tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đối với ông Hoàng Ngọc B về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Hoàng Ngọc B.

II/ Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị L và ông Hoàng Ngọc B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 23/9/1999 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 23/10/2001. Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Bà L ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Bà L ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L đã nộp tại biên lai thu số 0000700 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Bà L đã nộp đủ án phí.

VI/ Bà Phạm Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Hoàng Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
- UBND phường Hòa Thuận,q . Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Giấy CNKH số: 163/1999
ngày 20/12/1999)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga